

TÌM HIỂU VỀ CHẾ ĐỘ MỘT ĐẢNG LÃNH ĐẠO Ở ÊRITORIA

Phạm Thị Kim Huế*

Trong những năm cuối cùng của thập kỷ 80 và những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX là giai đoạn chuyển đổi chính trị sôi động nhất ở châu Phi. Trong thời kỳ hậu độc lập, đại đa số các nước châu Phi duy trì chế độ một đảng lãnh đạo trong suốt một thời gian dài. Điềm lại các nước có chế độ một đảng lãnh đạo lúc đó, chúng ta thấy:

- Ở Angola, Đảng lao động Angola và phong trào giải phóng nhân dân Angola (*Popular Movement for the Liberation of Angola-Labour Party*) lãnh đạo đất nước từ năm 1975 đến năm 1991;

- Ở Angêria, Đảng mặt trận giải phóng dân tộc (*National Liberation Front*) lãnh đạo đất nước từ 1962 đến năm 1988;

- Ở Bênanh, Đảng nhân dân cách mạng Bênanh (*People's Revolutionary Party of Benin*) lãnh đạo đất nước từ năm 1975 đến 1990;

- Ở Burundi, Đảng Liên minh vì tiến bộ quốc gia (*Union for National Progress*)

lãnh đạo đất nước từ năm 1966 đến năm 1993;

- Ở Gabông, Đảng Dân chủ Gabông (*Gabonese Democratic Party*) lãnh đạo đất nước từ năm 1968 đến 1990;

- Ở Malaui, Đảng Đại hội Malaui (*Malawi Congress Party*) lãnh đạo đất nước giai đoạn 1966-1993;

- Ở Môdămbích, Đảng Mặt trận giải phóng Môdămbích (*Mozambique Liberation Front*) lãnh đạo đất nước giai đoạn 1975-1990;

- Ở Xiêra Lêôn, Đảng Đại hội toàn dân (*All People's Congress*) lãnh đạo đất nước giai đoạn 1978-1991;

- Ở Dămbia, Đảng Độc lập dân tộc thống nhất (*United National Independence Party*) lãnh đạo đất nước giai đoạn 1972 -1990;

Hiện nay, hầu hết các quốc gia châu Phi đã chuyển sang chế độ đa đảng, trừ Êritoria - nước duy nhất ở châu Phi hiện tại vẫn tiếp tục duy trì chế độ một đảng lãnh đạo.

1. Tổng quan về Êritoria

* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Êritoria bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp (EPYOPAIA) là một quốc gia ở phía bắc khu vực Đông Phi với tổng diện tích 121.320 km², phía tây giáp Xu Đãng, phía nam giáp Êthiôpi, phía đông nam giáp Ghibuti, phía bắc và đông bắc là biển Đỏ. Lãnh thổ quốc gia Êritoria còn bao gồm quần đảo Dahlak và một phần đảo Hanish. Mặc dù là một quốc gia nhỏ bé ở Đông Phi, song với vị trí địa lý thuận lợi, đất nước Êritoria được ưu đãi một nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú như: vàng, kali cacbônát, kẽm, đồng, muối, dầu, khí đốt tự nhiên, thủy sản... Đây cũng là lý do khiến các cường quốc phương Tây và các nước láng giềng của Êritoria có tham vọng bá chủ quốc gia này.

Trong quá khứ, Êritoria đã từng là thuộc địa của Italia từ năm 1890 và trở thành một tỉnh của Italia ở khu vực Đông Phi vào năm 1936. Đến năm 1941, Anh thay thế Italia chiếm Êritoria làm thuộc địa của mình và tiếp tục cai trị nước này cho mãi đến năm 1951. Năm 1952, Quyết định 390 (A) của Liên hợp quốc (UN) đã gắn kết Êritoria với Êthiôpi để thành lập một liên bang Êritoria - Êthiôpi. Cuộc kháng chiến kéo dài của Êritoria chống lại liên bang Êritoria - Êthiôpi xảy ra khi chính phủ Êthiôpi sáp nhập Êritoria thành tỉnh thứ 14 của Êthiôpi vào năm 1962. Phong trào giành độc lập của người Êritoria đã được lập nên vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX mà tiêu biểu nhất phải kể đến Mặt trận Giải phóng nhân dân Êritoria. Sau 30 năm đấu tranh dai dẳng với chính phủ Êthiôpi, đến năm 1991, Mặt trận Giải phóng nhân dân Êritoria đem quân vào Asmara thành lập chính phủ lâm thời. Đến ngày 24/05/1993, Êritoria chính thức tuyên bố độc lập và

được quốc tế công nhận là một quốc gia có chủ quyền.

Êritoria là đất nước đa văn hoá và đa ngôn ngữ với 2 tôn giáo chính. Đó là đạo Hồi và đạo Cơ đốc chính thống, ngoài ra còn có đạo Thiên chúa La Mã (Roman Catholicism) và đạo Phúc âm (Evangelical Church). Dân số của Êritoria dự kiến năm 2008 là 5.028.475 người, chủ yếu thuộc ba chủng tộc lớn (người Tigrinya chiếm 50%; Tigre và Kunama chiếm 40% dân số của Êritoria), sống tập trung ở thủ đô Asmara (năm 2003: 899.000 người), thành phố cảng Massawa (năm 2003: 30.700 người), thành phố Assab (năm 2003: 56.300 người)¹. Chính vì vậy, ngôn ngữ chính của Êritoria là Tigrinya được coi là ngôn ngữ bản địa, bên cạnh đó còn tiếng Arab và tiếng Anh cũng được sử dụng làm ngôn ngữ giao tiếp trong công việc, đặc biệt tiếng Anh được coi là ngôn ngữ giao tiếp quốc tế của chính phủ và là ngôn ngữ bắt buộc phải học từ bậc giáo dục tiểu học.

2. Tình hình chính trị của Êritoria

Nền chính trị Êritoria được xây dựng theo mô hình chính thể cộng hoà tổng thống, trong đó tổng thống Êritoria vừa là người đứng đầu nhà nước và vừa là người đứng đầu chính phủ. Êritoria là nước duy nhất hiện nay ở châu Phi duy trì chế độ một đảng lãnh đạo, đó là Đảng Mặt trận Nhân dân vì Dân chủ và Công bằng (*People's Front for Democracy and Justice - PFDJ*). Quốc hội với 150 ghế được thành lập vào năm 1993 ngay sau khi Êritoria giành được độc lập và bầu Isaias Afewerki làm tổng thống. Có thể nói rằng mô hình nhà nước theo chính thể cộng hoà tổng thống ở Êritoria là mô hình chịu ảnh hưởng của nền chính trị phương Tây, tuy

nhiên nước này lại duy trì chế độ một đảng lãnh đạo.

Sau cuộc trưng cầu dân ý thành công về nền độc lập cho khu vực tự trị của Êritoria vào ngày 23/04/1993, 25/04/1993 và 19/05/1993, chính phủ lâm thời Êritoria (*the Provisional Government of Eritrea – PGE*) đã ra công bố về việc tái cơ cấu chính phủ. Theo công bố, trong vòng 4 năm chuyển đổi và cũng có thể sớm hơn, PGE sẽ phác thảo và phê chuẩn hiến pháp, chuẩn bị Luật về các đảng chính trị, chuẩn bị Luật báo chí, và thực hiện các cuộc bầu cử chính phủ lập hiến. Song đến tháng 3 năm 1994, PGE đã thành lập một uỷ ban lập hiến để thay đổi hiến pháp cho phù hợp với thời cuộc.

Các thành viên của Uỷ ban này đã đi khắp đất nước, đến từng cộng đồng người Êritoria ở nước ngoài, tổ chức các cuộc diễn thuyết để giải thích về việc thay đổi hiến pháp. Hiến pháp mới được công bố vào năm 1997, nhưng cho đến nay vẫn không được thực hiện, các cuộc tổng tuyển cử đều bị hoãn. Mặc dù Hiến pháp năm 1997 tuyên bố xây dựng hệ thống chính trị đa đảng, song trên thực tế không một nhóm chính trị nào khác được phép thành lập ở Êritoria ngoài Đảng PFDJ. Các đảng đối lập với PFDJ như: Đảng Đạo hồi Jihad Êritoria (*Eritrea Islamic Jihad-EIJ*), Đảng Mặt trận giải phóng Êritoria (*Eritrea Liberation Front-ELF*) do Abdullah Muhammed làm chủ tịch đảng, Đảng Cách mạng Mặt trận giải phóng Êritoria (*Eritrea Liberation Front-Revolutionary*) do Ahmed Nasser và Đảng Mặt trận giải phóng - Tổ chức thống nhất Êritoria (*Eritrea Liberation Front-United Organization-ELF-UO*) do Mohammed Said Nawd lãnh đạo, đều bị coi là những đảng bất hợp pháp.

Quốc hội Êritoria bao gồm toàn bộ thành viên thuộc Đảng PFDJ là cơ quan lập pháp lâm thời, các cuộc bầu cử bị hoãn lại ngay sau khi bắt đầu xảy ra cuộc xung đột biên giới giữa Êritoria và Êthiôpi. Sau sự kiện đó, chính phủ Êritoria đóng cửa tất cả các kênh đài thông tin tư nhân. Tất cả các báo, đài truyền hình, đài truyền thanh còn lại đều do chính phủ Êritoria quản lý. Chẳng hạn, các báo như Hadas Êritoria hàng tuần ra 3 số do chính phủ sở hữu; Tờ Tirigta – tờ báo Thanh niên ủng hộ chính phủ ra hàng tuần do Đảng PFDJ sở hữu; Tờ Erina - Thông tấn xã Êritoria do nhà nước quản lý, đài tuyến hình Eri, đài phát thanh Zara và hệ thống FM cũng do nhà nước quản lý². Ngoài ra, chính phủ Êritoria còn kiểm soát chặt chẽ nền kinh tế của đất nước này. Đất đai Êritoria thuộc quyền sở hữu của nhà nước.

3. Bộ máy nhà nước Êritoria

Bộ máy nhà nước Êritoria bao gồm các hệ thống hành pháp, lập pháp, và tư pháp.

- Hệ thống hành pháp:

Đứng đầu cơ quan hành pháp là Tổng thống Isaias Afewerki – thành viên Đảng PFDJ, được bầu là Tổng thống Êritoria vào ngày 24/05/1993. Tổng thống Isaias Afewerki sinh năm 1946 tại Asmara - thủ đô Êritoria hiện nay. Ông gia nhập Mặt trận Giải phóng Êritoria (*Eritrean Liberation Front-ELF*) vào năm 1966 khi mới 20 tuổi và đã được huấn luyện quân sự ở Trung Quốc cũng trong thời gian này. Sau khi trở về, ông đã trở thành Phó Tư lệnh của ELF. Năm 1970, ông là một trong những người thành lập Mặt trận Giải phóng nhân dân Êritoria và đến năm 1987 được chọn làm Tổng bí thư của Đảng EPLF – tiền thân của Đảng Mặt trận

nhân dân vì dân chủ và công bằng hiện nay (*People's Front for Democracy and Justice - PFDJ*)³. Tổng thống Êritoria có quyền bổ nhiệm bộ trưởng, cục trưởng, trưởng ban các ban ngành cơ quan của chính phủ, sau đó Quốc hội phê chuẩn những bổ nhiệm này.

Nội các bao gồm 18 bộ. Đứng đầu nội các là tổng thống. 18 bộ của Êritoria bao gồm: Bộ Nông nghiệp, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục, Bộ Năng lượng và Khoáng sản, Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế, Bộ Thông tin, Bộ Tư pháp, Bộ Chính quyền địa phương, Bộ Phát triển Quốc gia, Bộ Công cộng, Bộ Du lịch, Bộ Tài chính; Bộ Ngư nghiệp và Thủy sản, Bộ Lao động và Phúc lợi con người, Bộ Thương mại và Công nghiệp, Bộ Môi trường, Đất và Nước, Bộ Giao thông vận tải.

- Hệ thống lập pháp:

Quốc hội Êritoria là cơ quan lập pháp được thành lập vào năm 1993 bao gồm 150 thành viên, trong đó 75 thành viên thuộc Đảng PFDJ và số còn lại là các thành viên được lựa chọn qua phổ thông đầu phiếu. ở Êritoria, Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, còn Hiến pháp là công cụ mạnh nhất của chính phủ. Cơ quan lập pháp này có nhiệm vụ hoạch định các chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ, điều chỉnh quá trình thực hiện các chính sách này, phê duyệt ngân sách và lựa chọn tổng thống cho Êritoria. Các thành viên không xác định nhiệm kỳ. Ngoài ra, trong mỗi khu vực hành chính của Êritoria còn có Hội đồng Hạ viện khu vực (*Lower Regional Assemblies*). Các Hội đồng này có trách nhiệm thực hiện chương trình nghị sự của khu vực mình nếu chương trình này không nằm trong phạm vi quyền hạn của Quốc hội. Hội đồng khu

vực được lựa chọn thông qua phổ thông đầu phiếu ở mỗi khu vực. Người đứng đầu khu vực hay Thống đốc khu vực lại không do Hội đồng khu vực lựa chọn mà do Tổng thống lựa chọn.

- Hệ thống tư pháp:

Cơ quan tư pháp ở Êritoria hoạt động một cách độc lập so với cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp, bao gồm một hệ thống toà án mở rộng từ cấp làng xã đến cấp đơn vị hành chính và cấp quốc gia. Đó là các toà án cấp cơ sở (gọi là toà án khu vực theo các đơn vị hành chính) và toà án tối cao. Mặc dù thông thường cũng giống như một số quốc gia châu Phi khác, những người xử án ở cấp cơ sở thường là những già làng, song ở Êritoria quan toà cấp này cũng phải được lựa chọn. Mỗi một toà án cộng đồng địa phương có 3 quan toà. Chính vì vậy, với 683 toà án cộng đồng địa phương ở Êritoria, con số quan toà rất lớn lên đến 2.049 người, riêng ở khu vực trung tâm có 55 vị quan toà; khu vực miền Nam 213 người; khu vực Gash Barka 178 người; khu vực Anseba 109 người; khu vực miền Bắc 98 người, và khu vực miền Nam Biển Đỏ 30 người. Các toà án cộng đồng ở Êritoria dựa vào những phong tục và luật lệ của từng địa phương. Nếu một tranh chấp không thể giải quyết được ở toà án cộng đồng địa phương thì có thể đệ trình lên cấp cao hơn, chẳng hạn cấp toà án khu vực.

- Các đơn vị hành chính:

Đất nước Êritoria được chia thành 6 khu vực/đơn vị hành chính dựa vào đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý của từng khu vực nhằm tạo điều kiện cho mỗi một đơn vị hành chính dễ kiểm soát năng lực nông nghiệp của khu vực mình và giảm xung đột giữa các khu vực hành chính. 6 đơn vị

hành chính ở Êritoria lại được chia thành 55 địa hạt.

4. Những thành tựu và hạn chế của chế độ một đảng lãnh đạo ở Êritoria

a- Thành tựu:

Trước hết, không thể phủ nhận công lao của Đảng PFDJ đã đưa đất nước Êritoria thoát khỏi cảnh nô lệ, thuộc địa, hay nói cách khác nhân dân Êritoria dưới sự lãnh đạo của Đảng PFDJ đã đứng lên giành độc lập, trở thành một nước có chủ quyền ở Đông Phi. Ngày 24/05 đã trở thành ngày Quốc khánh của Êritoria.

Thứ hai, sau khi giành được độc lập với vô vàn khó khăn như: đất nước bị tàn phá nặng nề sau 30 năm chiến tranh, người Êritoria tan tác và tỵ nạn khắp nơi trên thế giới (500.00 người tỵ nạn ở Xu Đãng, khoảng 100.000 đến 150.000 người tỵ nạn ở Trung Đông, châu Âu, Bắc Mỹ, Ôxtrâyli và Êthiôpi⁴), song Đảng PFDJ đã nỗ lực tái thiết và ổn định đất nước, bước đầu đã xây dựng bộ máy điều hành đất nước một cách hệ thống từ cấp quốc gia cho đến cấp địa phương, và với đầy đủ các hệ thống hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Thứ ba, trong giai đoạn đầu hậu độc lập từ năm 1991-1997, Êritoria đã đạt được những thành tích nổi bật trong việc phát triển kinh tế. Nếu như trong giai đoạn từ năm 1991 đến 1996, tăng trưởng kinh tế thực trung bình hàng năm mới chỉ đạt mức 4%/năm thì đến năm 1997 nhảy vọt, tăng gần gấp đôi, đạt mức tăng trưởng kinh tế trung bình năm 7%⁵. Những số liệu từ Bộ Tài chính của Êritoria năm 1991 cho thấy rằng GNP theo giá thị trường tăng khoảng 16,3%/năm. Với chiến lược tự lực phát triển kinh tế toàn diện, Êritoria đã giành được độc lập mà không

phụ thuộc nhiều đến sự hỗ trợ và giúp đỡ từ bên ngoài, phát huy hết năng lực của người dân và tận dụng các nguồn lực trong nước. Chính vì vậy, sau khi giành được độc lập, Êritoria không mắc nợ nước ngoài và gánh nặng nợ nần của Êritoria cũng thấp so với các nước đang phát triển khác. Sau 4 năm kể từ năm 1993, viện trợ của nước ngoài cho Êritoria chỉ tăng 8%/năm, doanh thu của chính phủ tăng trung bình khoảng 32,2% một năm, chi tiêu của chính phủ tăng khoảng 20% một năm, tổng thâm hụt của Êritoria tăng không nhiều, chỉ ở mức 1,6%/năm⁶. Có thể nói rằng đây chính là một trong những thành công mà chính phủ Êritoria dưới sự lãnh đạo của Đảng PFDJ đã gặt hái được trong giai đoạn đầu hậu độc lập với vô vàn khó khăn.

Thứ tư, di sản thuộc địa để lại cộng với hậu quả chiến tranh kéo dài đã phá huỷ cơ sở hạ tầng và nền kinh tế của Êritoria. Theo báo cáo đánh giá năm 1996 của Ngân hàng Thế giới (WB) về Êritoria, 80% dân số của Êritoria sống ở nông thôn, 50% dân số của Êritoria sống dưới mức nghèo, thu nhập chủ yếu của họ là từ canh tác mùa vụ và chăn nuôi gia súc trên thảo nguyên. Chính vì vậy, chiến lược phát triển để xoá đói giảm nghèo bảo đảm công bằng xã hội là một trong những trọng tâm chính trong chương trình nghị sự của chính phủ Êritoria. Khắc phục những khó khăn về điều kiện tự nhiên, chính phủ Êritoria đã nỗ lực trong vấn đề phát triển nông nghiệp để bảo đảm lương thực như: chính phủ hỗ trợ và áp dụng máy móc hạng nặng trong sản xuất nông nghiệp trên diện tích 50.000 hecta. Kết quả là sản lượng nông nghiệp năm 1998 đã tăng hơn 359,4%, từ 103.000 tấn lương thực năm 1997 đã tăng lên đến 473.193 tấn lương thực năm 1998. Cung lương thực tăng từ

19,1% năm 1997 lên hơn 87,6% năm 1998⁷. Năm 1999, chính phủ Êritoria tiếp tục tăng diện tích hỗ trợ đất canh tác nông nghiệp lên 100.000 hecta. Sự thay đổi trong chính sách khuyến nông của chính phủ Êritoria nhằm cải thiện tình hình tự cung tự cấp đủ lương thực và dinh dưỡng cho người dân Êritoria (1800kcalo/người)⁸ đã góp phần xoá đói giảm nghèo ở Êritoria.

Thứ năm, chính phủ Êritoria cũng đã đạt được một số tiến bộ về y tế. Khoảng cách địa lý là trở ngại lớn khi mà hầu hết dân số của Êritoria sống ở nông thôn và các vùng hẻo lánh, do vậy chiến lược chăm sóc sức khoẻ ban đầu một cách hệ thống, bao gồm việc xây dựng các trung tâm y tế, các trạm xá y tế trong bán kính 10 km, đào tạo y bác sỹ tại cộng đồng đã góp phần cải thiện sức khoẻ của người dân Êritoria. Các trạm y tế trong bán kính 10 km đã tăng đáng kể từ 10% năm 1991 lên 70% năm 1998⁹. Mọi người dân Êritoria không kể người thiểu số, những người bất hạnh hay những người sống ở khu vực giáp biên đều được hưởng dịch vụ y tế một cách bình đẳng.

Bên cạnh đó, nhằm góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân Êritoria, chính phủ Êritoria chú trọng đầu tư vào các dự án nước sạch và các dự án phát triển năng lượng. Chính phủ Êritoria đã vay hơn 156 triệu USD cho dự án tăng năng lượng điện. Theo cuộc điều tra về hộ gia đình Êritoria theo vị trí địa lý (*The Eritrea Demographic Household Survey-EDHS*), khoảng 25% các hộ gia đình sống ở đô thị và khoảng 7% các hộ gia đình sống ở nông thôn chỉ mất 15 phút đi bộ là có thể tới nguồn nước sạch. Nếu năm 1995, mới chỉ có 40% tổng dân số Êritoria

sử dụng đài làm phương tiện thông tin và giáo dục thì đến năm 1997 đã tăng gần gấp đôi lên đến 75%¹⁰.

Cuối cùng, một trong những thành tựu nổi bật mà chế độ một đảng PFDJ đã làm được, đó là phát triển giáo dục. Sau độc lập, Êritoria thừa hưởng một hệ thống giáo dục lộn xộn, tỷ lệ mù chữ trên toàn quốc lớn, chiếm khoảng 70% trong tổng dân số của Êritoria. Trong quá trình xây dựng quốc gia, nguồn nhân lực được coi là nhân tố quyết định. Chính vì vậy, phát triển nguồn nhân lực là trọng tâm trong chiến lược phát triển đất nước của chính phủ Êritoria. Một loạt chính sách, chương trình nhằm mở rộng và nâng cấp chất lượng giáo dục, đặc biệt là giáo dục tiểu học để giảm tỷ lệ mù chữ của Êritoria đã được triển khai trong giai đoạn sau độc lập từ năm 1991 đến năm 1998. Nhờ vậy, số lượng giáo viên tăng khoảng 50%, từ 5.300 người vào năm 1991/92 lên đến 8.000 người vào năm 1997/98, trong đó giáo viên tiểu học tăng khoảng 60%, giáo viên phổ thông tăng 48% và giáo viên trung học tăng 27%¹¹. Tỷ lệ nhập học bậc tiểu học trên phạm vi toàn quốc tăng từ 15% năm 1991/92 lên đến 50% năm 1997/98¹². Mặc dù còn gặp nhiều hạn chế về năng lực và có quá nhiều ưu tiên phải được thực hiện trong nền kinh tế vĩ mô, song chính phủ Êritoria quyết tâm đầu tư vào giáo dục và đào tạo. Chính vì vậy, chi tiêu của chính phủ dành cho giáo dục hàng năm đều tăng khoảng 1%, năm 1993 là 4,2% thì năm 1997 tăng 9,2%. Chi phí dành cho giáo dục trong GNP của Êritoria cũng tăng gấp đôi, từ 2,1% năm 1993 tăng 4,0% năm 1997¹³. Có thể nói rằng so với nhiều quốc gia khác ở khu vực châu Phi cận Xahara, thì đây là mức đầu tư tăng đáng kể mà chính phủ Êritoria dành cho

giáo dục, và tỷ lệ biết chữ của Êritoria đã được cải thiện (tỷ lệ biết chữ của Êritoria năm 2003 là 59% trong tổng dân số).

b- Hạn chế:

Bên cạnh những thành tựu nổi bật mà chính phủ Êritoria dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng PFDJ đã đạt được trong những năm đầu hậu độc lập, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, không thể phủ nhận những nỗ lực, công lao xây dựng đất nước Êritoria trong những năm đầu hậu độc lập đầy khó khăn của Đảng PFDJ, song vẫn còn những hạn chế tồn tại dưới chế độ lãnh đạo của đảng PFDJ ở Êritoria. Ngay sau khi giành được độc lập, Êritoria đã chủ trương xây dựng một chế độ đa đảng dân chủ như Chủ tịch đảng Mặt trận giải phóng Nhân dân Êritoria (*Eritrea's People Liberation Front- EPLF*) -Issais Afewerki lúc bấy giờ đã phát biểu trong buổi phỏng vấn của Đài dịch vụ truyền thanh Êritoria (VOM) năm 1990: "*EPLF cam kết sẽ xây dựng một chế độ đa đảng ở Êritoria*"¹⁴.

Hơn thế nữa, Hiến pháp Êritoria đã được soạn thảo và phê chuẩn vào ngày 23/05/1997, song cho đến tận bây giờ việc thực thi Hiến pháp và triển khai các cuộc tổng tuyển cử đều bị trì hoãn. Một phần vì một vài lý do khách quan như: cuộc chiến giữa Êritoria và Êthiôpia xảy ra từ năm 1998 và kéo dài dai dẳng cho đến nay, song nguyên nhân khác còn là do chính phủ Êritoria đã cấm các tổ chức chính trị khác hoạt động, đóng cửa các báo chí, đài truyền thông, truyền hình tư nhân và kiểm soát gắt gao các thông tin về tình hình trong nước của Êritoria. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế về nhân quyền như: Ủy ban nhân quyền châu Phi (*The*

Africa Commission of Human Rights); Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tỵ nạn (*The United Nations High Commissioner for Refugees*); Tổ chức ân xá quốc tế (*Amnesty International*)... thì quyền lực ở Êritoria chỉ tập trung trong tay Văn phòng Tổng thống Issaias Afewerki, các vấn đề quan trọng của đất nước không được bàn luận một cách công khai trong Quốc hội. Có thể nói rằng chính phủ Êritoria đã không giữ đúng lời hứa, hay nói cách khác "lời hứa không đi đôi với việc làm" của đảng PFDJ đã phần nào làm giảm lòng tin của người dân Êritoria đối với chính phủ.

Thứ hai, vấn đề "tự do tôn giáo" cũng là một trong những vấn đề đáng lưu tâm ở Êritoria. Như chúng ta biết, Êritoria là đất nước đa văn hoá, đa tôn giáo trong đó đạo Hồi và đạo Cơ đốc chính thống chiếm đa số dân số của Êritoria, ngoài ra còn có đạo Thiên chúa La Mã và đạo Tin Lành cũng là một trong những tôn giáo quan trọng ở Êritoria và các đạo khác (khoảng 40% dân số Êritoria theo đạo Hồi và khoảng 50% dân số Êritoria theo đạo Cơ đốc chính thống¹⁵, còn lại khoảng 10% dân số theo đạo Thiên chúa La Mã và đạo Tin Lành và các đạo khác). Thế nhưng theo Tổ chức đoàn kết Thiên chúa trên thế giới (*Christian Solidarity Worldwide*) và một số tổ chức nhân quyền khác như Tổ chức ân xá quốc tế (*the Amnesty International*), thì chính phủ Êritoria đã có những hành động cứng rắn với những người theo đạo Cơ đốc, thành lập một lực lượng để xoá bỏ đạo Cơ đốc chính thống và đạo Thiên chúa theo phái Phúc âm (*Pentecostal and Evangelical Christianity*) khỏi Êritoria vào cuối năm 2005¹⁶. Chính phủ Êritoria còn ép buộc những tín đồ Cơ đốc giáo phải bỏ tôn giáo của mình chuyển đổi thành tín đồ Hồi giáo¹⁷.

Chính phủ của Đảng PFDJ đã không có những biện pháp hợp lý gắn các dân tộc, các tôn giáo khác nhau ở Êritoria thành một khối vững chắc phát triển đất nước, mà lại có những thái độ, hành động chia rẽ, trọng đạo Hồi mà xem nhẹ hoặc bỏ qua các tôn giáo khác. Chính những hành động như vậy có thể là nguyên nhân gây ra xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo ngay chính trong đất nước Êritoria, khiến đất nước Êritoria bất ổn định, kinh tế không phát triển, đã nghèo lại càng nghèo hơn.

Thứ ba, tăng trưởng kinh tế của Êritoria không bền vững, có nguy cơ tụt hậu. Chính phủ Êritoria đã không giữ được mức tăng trưởng như những năm đầu sau khi độc lập (giai đoạn từ năm 1991 đến 1996, tăng trưởng kinh tế thực trung bình hàng năm đạt mức 4%/năm, năm 1997 đạt mức tăng trưởng kinh tế trung bình năm 7%), song đến năm 1999, tăng trưởng GDP giảm xuống 0%/năm, đặc biệt năm 2000 GDP tăng trưởng âm (-12,1%/năm)¹⁸, và năm 2007 tăng trưởng GDP chỉ đạt 1,3%. Mặc dù khi giành được chính quyền, chính phủ Êritoria dưới sự lãnh đạo của Đảng PFDJ đã chủ trương phát triển nền kinh tế Êritoria theo hướng thị trường, hay nói cách khác chính phủ Êritoria đã cam kết thực hiện nền kinh tế thị trường và quá trình cổ phần hoá ở Êritoria, nhưng trên thực tế chính phủ Êritoria hoàn toàn kiểm soát nền kinh tế.

Theo Tuyên cáo số 58/1994 của chính phủ Êritoria, đất đai đô thị cũng như đất đai nông thôn đều thuộc tài sản của nhà nước, cá nhân người dân Êritoria không có quyền sở hữu đất đai mà chỉ có quyền hưởng hoa lợi trên mảnh đất đó¹⁹. Tuyên cáo số 59/1994 của chính phủ Êritoria thì

quy định rằng chính phủ Êritoria đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc quản lý tài chính và đầu tư của Êritoria. Có thể nói rằng điều này đã có tác động tiêu cực, không tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư tư nhân, trong khi đó tiền gửi từ nước ngoài về của khu vực tư nhân hiện nay chiếm khoảng 32% GDP của Êritoria.

Nếu như giai đoạn ngay sau khi độc lập, Êritoria phát triển kinh tế không phụ thuộc quá nhiều viện trợ nước ngoài và thâm hụt ngân sách cũng không nhiều, thì hiện nay cụ thể kể từ khi xảy ra cuộc chiến tranh giữa Êritoria và Êthiôpi vào năm 2000, nợ nước ngoài tăng nhiều (năm 2007, nợ nước ngoài của Êritoria là 311 triệu USD²⁰), thâm hụt ngân sách lớn (năm 2007, cán cân tài khoản hiện hành - 62 triệu USD²¹) là do chính phủ Êritoria chi nhiều cho quốc phòng để phục vụ cuộc chiến giữa Êritoria với Êthiôpi, và một lý khác nữa là chính phủ Êritoria phải khắc phục hậu quả chiến tranh (Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới - WB, chiến tranh giữa Êritoria và Êthiôpi năm 2000 đã làm cho nền kinh tế Êritoria bị tổn thương nặng nề với tổng thiệt hại ước tính 600 triệu USD, trong đó số gia súc bị thiệt hại trị giá 225 triệu USD, 55.000 ngôi nhà đã bị tàn phá ước tính trị giá 41 triệu USD, số lượng bệnh viện, văn phòng của Êritoria bị phá huỷ trị giá 24 triệu USD và một số thiệt hại khác). Hơn thế nữa, nguồn thu chủ yếu của Êritoria cũng một phần dựa vào xuất khẩu, song hiện nay xuất khẩu của Êritoria cũng không phát triển do chính phủ kiểm soát gắt gao về tiền tệ và thương mại.

Cuối cùng, chính phủ Êritoria dưới sự lãnh đạo của Đảng PFDJ dường như đóng cửa nền kinh tế, bị cô lập trong quan hệ



quốc tế. Năm 2000, chiến tranh biên giới giữa Êritoria và Êthiôpi xảy ra đã buộc chính phủ Êritoria đóng cửa biên giới với Êthiôpi - vốn từng là đối tác thương mại quan trọng của Êritoria. Hiện nay, quan hệ giữa Êritoria với các đối tác khác như Anh, Đức, Nauy và Hà Lan cũng trở nên căng thẳng sau năm 2001 khi chính phủ Êritoria tiến hành các hành động đàn áp những lực lượng chính trị đối lập, đóng cửa các tờ báo tư nhân và hạn chế tự do công dân. Đặc biệt, quan hệ giữa Êritoria và Mỹ trở nên gay gắt khi chính phủ Êritoria yêu cầu Tổ chức viện trợ của Mỹ (USAID) dừng các hoạt động của tổ chức này ở Êritoria, và chính phủ Êritoria từ chối việc Mỹ cung cấp viện trợ phát triển song phương cho Êritoria. Quan hệ giữa Êritoria với các nước láng giềng như Ghibuti, Xu Đãng, Yêmen cũng không mấy tốt đẹp. Tranh chấp lãnh thổ giữa Êritoria và Yêmen đối với quần đảo Haynison. Chính phủ Êritoria buộc tội chính phủ Khatum ủng hộ lực lượng chống đối Hồi giáo Jihad của Êritoria (*the Eritrea Islamic Jihad - EJI*) và ngược lại, chính phủ Xu Đãng cũng cho rằng Êritoria có liên quan đến lực lượng chống đối chính phủ Xu Đãng là Liên minh Dân chủ quốc gia (*the National Democratic Alliance*). Có thể nói rằng quan hệ căng thẳng, chiến tranh biên giới chính là những rào cản đối với sự phát triển của Êritoria. Đáng lẽ, trong giai đoạn đầy khó khăn như hiện nay, sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế đối với chính phủ, nhân dân Êritoria là vô cùng quan trọng, và đặc biệt trong giai đoạn hiện nay trước xu thế hội nhập, toàn cầu hoá, việc bình thường hoá quan hệ, thúc đẩy hợp tác sẽ là cánh cửa mở ra cơ hội phát triển cho Êritoria, song dường như chính phủ Êritoria dưới sự lãnh đạo

của Đảng PFDJ lại có hướng cô lập quan hệ, đóng cửa nền kinh tế khiến cuộc sống của người dân Êritoria đã khổ lại càng khổ hơn.

Tóm lại, trong những năm tháng đấu tranh giành độc lập và trong giai đoạn đầu hậu độc lập, Đảng PFDJ đã thành công khi lãnh đạo, thống nhất nhân dân Êritoria thành một khối, đưa đất nước Êritoria từ một nước nô lệ, thuộc địa thành một quốc gia có chủ quyền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng PFDJ trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX (1991-1997), Êritoria đã bước đầu gạt hái được những thành tựu như: xây dựng bộ máy điều hành đất nước, chú trọng thúc đẩy giáo dục, cải thiện dân đời sống người dân Êritoria và tăng trưởng kinh tế. Người dân Êritoria đã hy vọng những giai đoạn tiếp sau của thế kỷ XXI, chính phủ Êritoria dưới sự lãnh đạo của Đảng PFDJ sẽ tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được và nỗ lực thực hiện những chính sách đã cam kết sau khi giành được độc lập như: xây dựng chế độ đa đảng, phát triển nền kinh tế thị trường thực sự ở Êritoria, nhưng trên thực tế chế độ một đảng lãnh đạo ở Êritoria gần đây đã bộc lộ một số hạn chế, không giữ đúng cam kết như khi mới giành quyền lực. Chính phủ Êritoria không những kiểm soát chặt chẽ nền kinh tế, không phát triển kinh tế thị trường mà còn không thúc đẩy mở rộng quan hệ quốc tế, gây căng thẳng trong quan hệ với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế khiến đất nước Êritoria ngày càng kém phát triển, bị cô lập và tụt hậu.

Những khó khăn và hạn chế kể trên đang tạo ra những thách thức rất lớn đối với Nhà nước, chính phủ Êritoria và Đảng PFDJ trong việc duy trì quyền lực của mình.

Chú thích:

- ¹<http://www.infoplease.com/ipa/A0107497.html>
- ²BBC NEWS, Africa, Country Profile, Eritrea.
- ³ BBC NEWS, Africa, Country Profile, Eritrea.
- ⁴ United Nations High Commissioner for Refugees (1998), 1999 Global Appeal: Eritrea, Geneva.
- ⁵ Mengisteab and Yohannes (1998), International Monetary Fund, *Eritrea: Selected Issues*, IMF Staff Country Reports, No.98/91, p.98.
- ⁶ Số liệu của Bộ Tài chính Êritoria năm 1999.
- ⁷ Số liệu của Bộ Nông nghiệp Êritoria năm 1998.
- ⁸ Chỉ số xã hội cơ bản của Êritoria năm 1997 tổng hợp từ Bộ Nông Nghiệp Êritoria, Báo cáo Phát triển con người của LHQ.
- ⁹ Báo cáo của Bộ Y tế Êritoria năm 1998.
- ¹⁰ Số liệu nghiên cứu của Bộ Thông tin Êritoria năm 1997.
- ¹¹ Tỷ lệ nhập học của Êritoria từ năm 1991/92 đến năm 1997/98 lấy từ Bảng phân tích trong báo cáo của Zusana Brixiaiva, Ales Bulir và Joshua Comenets (2001), *Khoảng cách về giới trong giáo dục của Êritoria 1991-1998: Cơ hội bị bỏ qua?*, IMF.
- ¹² Tỷ lệ nhập học của Êritoria từ năm 1991/92 đến năm 1997/98 lấy từ Bảng phân tích trong báo cáo của Zusana Brixiaiva, Ales Bulir và Joshua Comenets (2001), *Khoảng cách về giới trong giáo dục của Êritoria 1991-1998: Cơ hội bị bỏ qua?*, IMF.
- ¹³http://www.unesco.org/education/wef/countryreports/eritrea/rapport_1.html
- ¹⁴Resoum Kidane (2005), What did the EPLF promise the Eritrean people?, 24/05/2005.
- ¹⁵Reuter Alertnet, Country Profile: Eritrea, 2006.
- ¹⁶Christian Solidary Worldwide, Eritrea Tact Force Aims to Purge Country of Christians, 18 February 2005 (press

statement),
<http://www.cswusa.com/report%20pages/Reports-Eritrea.htm>

¹⁷Eritrea Pressuring Christian to Convert, *The Church of England Newspaper*, 7 April 2006.

¹⁸<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/er.html>

¹⁹Eritrea, *Proclamation to Reform the System of Land Tenure in Eritrea*, Proclamation No 58/1994, Asmara, 1994.

²⁰<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/er.html>

²¹<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/er.html>

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Chu Dương (2005), *Thế chế nhà nước của các quốc gia trên thế giới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Viện Thông tin khoa học xã hội (2005), Các vấn đề về thể chế chính trị và chính đảng. Tài liệu phục vụ nghiên cứu.
3. M.A.Mohamed Salih (2003), African Political Parties: Evolution, Institutionalisation and Governance, Pluto Press.
4. Assefaw Bariagaber (2006), *Eritrea: Challenges and Crises of A New State*, United Nations High Commissioner for Refugees.
5. Zusana Brixiaiva, Ales Bulir and Joshua Comnetz (2001), *The Gender Gap in Education in Eritrea: In 1991-1998: A Missed Opportunity?* he International Monetary Fund, WP/01/94.
6. Human Rights Watch (2006), *World Report 2006: Eritrea*, New York, 18 January 2006.
7. Balke Lamber (2008), *On Independence Anniversary, Eritrean Exiles Lament Repression at Home*, World Politics Review Exclusive.
8. Resoum Kidane (2005), *What Did the EPLF Promise the Eritrean People?*
9. [Http://www.unesco.org/education/wef/countryreports/eritrea/rapport_1.html](http://www.unesco.org/education/wef/countryreports/eritrea/rapport_1.html)